

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 45

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 05/05/2018)
	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 05/05/2018)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Kiều Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2018

Số: 730/2018/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 30 tháng 08 năm 2018, từ trang 04 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2018

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		2.218.335.648.234	1.966.957.725.614
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	223.760.038.283	228.713.854.868
1. Tiền	111		153.378.453.027	178.889.744.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.381.585.256	49.824.110.674
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.440.000.000	2.230.240.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(560.000.000)	(560.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	2.000.000.000	790.240.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		774.007.453.386	776.590.477.845
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	638.503.951.080	640.947.781.748
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		74.507.044.166	72.589.484.999
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	61.846.455.160	64.265.329.424
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(923.078.656)	(1.281.203.571)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		73.081.636	69.085.245
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	1.109.044.771.110	891.252.698.714
1. Hàng tồn kho	141		1.112.215.124.684	894.423.052.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.170.353.574)	(3.170.353.574)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		108.083.385.455	68.170.454.187
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	25.303.983.178	17.859.467.421
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		74.214.967.273	44.172.222.152
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	8.564.435.004	6.138.764.614
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.125.713.663.701	1.156.445.690.696
I Các khoản phải thu dài hạn	210		23.135.179.326	56.774.614.822
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	23.135.179.326	56.774.614.822
II Tài sản cố định	220		877.972.341.454	859.505.042.480
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	845.690.123.989	824.494.733.293
- Nguyên giá	222		1.631.250.297.787	1.571.574.363.169
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(785.560.173.798)	(747.079.629.876)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	32.282.217.465	35.010.309.187
- Nguyên giá	228		52.957.296.294	52.858.296.294
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.675.078.829)	(17.847.987.107)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.067.151.736	44.741.751.201
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		25.067.151.736	44.741.751.201
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		105.942.371.573	109.623.003.112
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.10	70.685.508.188	73.027.389.727
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	33.256.863.385	32.595.613.385
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	4.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		93.596.619.612	85.801.279.081
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	93.596.619.612	85.801.279.081
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.344.049.311.935	3.123.403.416.310

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.982.276.865.787	2.726.180.092.640
I- Nợ ngắn hạn	310		2.589.932.742.705	2.331.654.315.591
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	387.944.287.085	358.776.884.571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		53.752.383.703	32.094.341.110
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	24.371.187.972	23.588.959.401
4. Phải trả người lao động	314		107.251.657.045	188.098.410.957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	31.334.560.520	47.920.727.717
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.912.065.863	12.054.922.758
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	82.778.577.756	60.723.297.177
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	1.832.332.363.887	1.540.696.242.942
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		39.860.750.361	39.860.750.361
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		24.394.908.513	27.839.778.597
II- Nợ dài hạn	330		392.344.123.082	394.525.777.049
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	695.016.500	1.023.054.500
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		5.386.352.901	14.500.372.031
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		24.917.461.925	22.869.583.121
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	3.546.246.092	4.794.960.183
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	357.799.045.664	346.242.839.149
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	3.470.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	1.624.968.065
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		361.772.446.148	397.223.323.670
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	361.772.446.148	397.223.323.670
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.984.232.138	45.674.075.645
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		98.414.727	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.225.893.528	63.332.954.145
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		10.909.002.153	43.458.329.550
- LNST chưa phân phối kì này	421b		16.316.891.375	19.874.624.595
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		106.463.905.755	106.216.293.880
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		3.344.049.311.935	3.123.403.416.310

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2018

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc





Đặng Minh Tuyên

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 năm 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	2.134.756.461.107	1.969.004.926.308
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	8.343.879.880	5.641.258.556
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	2.126.412.581.227	1.963.363.667.752
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.691.996.361.813	1.567.910.889.597
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		434.416.219.414	395.452.778.155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	12.215.087.091	13.446.513.150
7. Chi phí tài chính	22	5.20	47.331.264.107	31.619.983.002
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		39.329.404.399	25.844.407.175
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		286.964.011	2.156.753.791
9. Chi phí bán hàng	24	5.21	160.855.615.812	147.439.473.098
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	208.159.361.802	196.100.752.888
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		30.572.028.795	35.895.836.108
12. Thu nhập khác	31	5.23	7.849.228.103	9.896.713.932
13. Chi phí khác	32	5.23	2.920.019.124	6.508.476.052
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		4.929.208.979	3.388.237.880
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		35.501.237.774	39.284.073.988
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		12.272.698.207	11.712.353.702
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.624.968.065)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		24.853.507.632	27.571.720.286
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		22.194.197.379	23.558.153.088
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.659.310.253	4.013.567.198
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	897	993

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2018

Người lập



Đặng Minh Tuyên

Trưởng phòng kế toán



Huỳnh Văn Phát

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 năm 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.501.237.774	39.284.073.988
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	61.186.360.930	57.356.046.560
- Các khoản dự phòng	03	(358.124.915)	5.270.613.767
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	431.039.867	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.879.168.552)	(4.267.257.405)
- Chi phí lãi vay	06	39.329.404.399	25.844.407.175
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(10.621.742.320)	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	119.589.007.183	123.487.884.085
- Biến động các khoản phải thu	09	11.497.552.524	6.096.946.539
- Biến động hàng tồn kho	10	(218.081.972.364)	(14.063.486.075)
- Biến động các khoản phải trả	11	(114.731.355.880)	(299.492.182.224)
- Biến động chi phí trả trước	12	6.568.342.356	1.998.740.340
- Tiền lãi vay đã trả	14	(39.571.610.576)	(25.844.407.175)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.952.063.918)	(17.659.943.308)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	126.190.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.716.215.617)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(261.272.126.292)	(225.476.447.818)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(90.068.429.106)	(22.661.710.952)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	7.758.807.690	18.058.198.585
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.926.310.802)	(4.819.430.457)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.889.451.544	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.527.068.246)	(1.627.950.730)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.021.511.225	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.056.499.715	3.678.308.572
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(77.795.537.980)	(7.372.584.982)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	23.227.070.066	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.247.055.356.028	1.651.545.536.533
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.888.950.168.699)	(1.381.802.328.543)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(46.809.545.500)	(51.833.766.276)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	334.522.711.895	217.909.441.714
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(4.544.952.377)	(14.939.591.086)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	228.713.854.868	163.402.922.102
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	(408.864.208)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	223.760.038.283	148.463.331.016

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

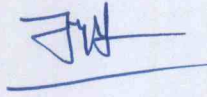
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2018

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc



Đặng Minh Tuyền

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.780.000	17.800.000.00	9,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.330.878	113.308.780.000	62,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/06/2018: 4.404 người (31/12/2017 là: 5.185 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm nhuộm;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- ...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp*Danh sách các công ty con được hợp nhất*

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Lai
Địa chỉ	: Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, Yên Đỗ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Đà Lạt
Địa chỉ	: Số 9, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 55%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 55%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Định
Địa chỉ	: Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,84%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,84%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May An Nhơn
Địa chỉ	: Số 71 Nguyễn Đình Chiểu, P. Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,19%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 45,90%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Tam Quan
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 204 Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,00%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,00%
Tên Công ty	: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 82,35%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 82,35%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)***Danh sách các công ty con được hợp nhất (Tiếp theo)***

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Phúc
Địa chỉ	: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, Tp. HCM
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 87,50%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 87,50%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 71,24%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 71,24%
Tên Công ty	: Công ty CP May Đức Linh - Nhà Bè
Địa chỉ	: Khu phố 1, Thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 62,55%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 60,00%
Tên Công ty	: Công ty CP Bất động sản Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,57%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,57%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC
Địa chỉ	: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã La Gi, Bình Thuận.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 59,02%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 45,43%

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 28,58%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 28,58%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 33,19%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 33,19%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May 9 - Nam Định
Địa chỉ	: Số 215, Hàng Thao, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 26,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 26,78%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè
Địa chỉ	: 139 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 29,99%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 29,99%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Sông Tiền
Địa chỉ	: Ấp Bình Tạo, Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 43,89%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 43,89%
Tên Công ty	: Công ty CP Truyền Thông Nhà Bè
Địa chỉ	: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã La Gi, Bình Thuận.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 46,70%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 46,70%
Tên Công ty	: Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa
Địa chỉ	: Lô A8, Cụm Công nghiệp La Hà, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 25%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 25%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần SX - TM - DV Hưng Phát
Địa chỉ	: Số 12 Đường Mai Hắc Đế, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 20%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 20%

Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Hà Nội (Đồng phục)

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Hải Phòng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Nam Định

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh UK

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ Kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/06/2018.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/06/2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	6 tháng đầu năm 2018
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

	6 tháng đầu năm 2018
	(Số năm)
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh hợp nhất doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con, các Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Tổng Công ty chỉ hoạt động chủ yếu sản xuất, gia công hàng may mặc, địa điểm hoạt động tại Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	5.951.868.876	10.797.485.857
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	147.426.584.151	168.092.258.337
Tương đương tiền	70.381.585.256	49.824.110.674
Tổng	223.760.038.283	228.713.854.868

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng có thời hạn không quá 3 tháng.

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	2.000.000.000	1.440.000.000	(560.000.000)	2.000.000.000	1.440.000.000	(560.000.000)
Trong đó chủ yếu:						
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	2.000.000.000	1.440.000.000	(560.000.000)	2.000.000.000	1.440.000.000	(560.000.000)
Tổng	2.000.000.000	1.440.000.000	(560.000.000)	2.000.000.000	1.440.000.000	(560.000.000)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	790.240.000	790.240.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	790.240.000	790.240.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	2.000.000.000	2.000.000.000	790.240.000	790.240.000

5.4 Phải thu của khách hàng

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	638.503.951.080	640.947.781.748
CANDA	9.434.991.653	11.083.856.521
MOTIVES	29.839.997.914	28.235.125.479
PROMINENT/ITOCHU	13.425.777.961	15.415.427.039
JC PENNY	32.449.591.780	38.194.011.787
PVH	9.397.527.388	11.615.072.263
ARCADIA	27.893.783.195	35.438.604.139
BMB CLOTHING GROUP	27.900.799.310	41.026.113.023
DEBENHAMS RETAIL	5.712.759.220	11.696.120.262
GENEROS	12.627.143.018	24.262.890.217
PRIMARK	8.616.947.370	30.502.851.190
RIVER	9.482.010.386	11.445.596.543
Matalan	25.031.519.721	9.914.956.339
Peerless	26.965.166.324	-
VINATEX (VSC)	66.625.756.038	57.867.174.827
Phải thu khách hàng khác	333.100.179.802	314.249.982.119
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	638.503.951.080	640.947.781.748

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.5 Phải thu khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	61.846.455.160	-	64.265.329.424	-
- Tạm ứng	3.625.186.175	-	6.227.693.429	-
- Ký cược, ký quỹ	2.814.562.250	-	2.459.220.750	-
- Phải thu khác	55.406.706.735	-	55.578.415.245	-
b) Dài hạn	23.135.179.326	-	56.774.614.822	-
- Mua đất dự án Long Thới	-	-	34.296.286.150	-
- Ký cược, ký quỹ	3.328.691.997	-	3.614.053.672	-
- Phải thu khác	19.806.487.329	-	18.864.275.000	-
Tổng	84.981.634.486	-	121.039.944.246	-

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	6.684.199.000	-	48.892.618	-
Nguyên liệu, vật liệu	379.941.762.749	-	306.038.058.864	-
Công cụ, dụng cụ	5.517.491.154	-	2.744.437.503	-
Chi phí SX KDDD	371.356.433.352	-	309.833.325.202	-
Thành phẩm	259.210.743.084	(1.448.196.299)	189.364.154.134	(1.448.196.299)
Hàng hóa	15.550.222.900	(1.327.544.905)	10.292.167.005	(1.327.544.905)
Hàng gửi bán	73.954.272.445	(394.612.370)	76.102.016.962	(394.612.370)
Tổng	1.112.215.124.684	(3.170.353.574)	894.423.052.288	(3.170.353.574)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.7 Chi phí trả trước

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	25.303.983.178	17.859.467.421
- Chi phí CCDC	6.824.566.409	2.415.674.608
- Khác	18.479.416.769	15.443.792.813
b) Dài hạn	93.596.619.612	85.801.279.081
- Chi phí thuê đất	14.930.440.486	36.662.064.665
- Chi phí CCDC	5.462.322.356	27.471.214.605
- Chi phí sửa chữa	7.869.147.014	10.837.339.142
- Khác	65.334.709.756	10.830.660.669
Tổng	118.900.602.790	103.660.746.502

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	717.798.298.920	776.411.802.868	56.305.956.488	17.710.994.511	3.347.310.382	1.571.574.363.169
Tăng trong kỳ	5.549.822.527	90.101.857.165	60.043.519.582	420.957.078	-	156.116.156.352
Mua trong kỳ	907.451.104	56.838.592.097	1.213.817.272	420.843.818	-	59.380.704.291
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.655.249.086	18.677.430.486	1.767.392.028	-	-	24.100.071.600
Tăng khác	987.122.337	14.585.834.582	57.062.310.282	113.260	-	72.635.380.461
Giảm trong kỳ	19.239.937.856	71.121.602.816	1.360.475.792	4.718.205.270	-	96.440.221.734
Thanh lý nhượng bán	-	24.423.383.764	1.345.974.713	-	-	25.769.358.477
Giảm khác	19.239.937.856	46.698.219.052	14.501.079	4.718.205.270	-	70.670.863.257
Số dư tại 30/06/2018	704.108.183.591	795.392.057.217	114.989.000.278	13.413.746.319	3.347.310.382	1.631.250.297.787
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2018	247.053.998.572	452.290.126.999	32.259.946.935	13.024.072.305	2.451.485.065	747.079.629.876
Tăng trong kỳ	15.893.703.963	39.266.275.545	53.685.030.614	725.811.309	154.619.195	109.725.440.625
Khấu hao trong kỳ	15.837.674.364	37.860.452.900	3.171.978.247	656.706.841	154.619.195	57.681.431.546
Tăng khác	56.029.599	1.405.822.645	50.513.052.367	69.104.468	-	52.044.009.079
Giảm trong kỳ	11.307.666.045	55.089.735.341	742.500.506	4.104.994.811	-	71.244.896.703
Thanh lý nhượng bán	-	18.249.721.242	684.240.455	-	-	18.933.961.697
Giảm khác	11.307.666.045	36.840.014.099	58.260.051	4.104.994.811	-	52.310.935.006
Số dư tại 30/06/2018	251.640.036.490	436.466.667.203	85.202.477.043	9.644.888.803	2.606.104.260	785.560.173.798
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2018	470.744.300.348	324.121.675.869	24.046.009.553	4.686.922.206	895.825.317	824.494.733.293
Số dư tại 30/06/2018	452.468.147.101	358.925.390.015	29.786.523.236	3.768.857.516	741.206.122	845.690.123.989

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2018	19.581.647.983	5.838.965.451	27.437.682.860	52.858.296.294
Tăng trong kỳ	-	99.000.000	1.624.195.797	1.723.195.797
Mua trong kỳ	-	99.000.000	1.624.195.797	1.723.195.797
Giảm trong kỳ	1.578.713.790	45.482.007	-	1.624.195.797
Giảm khác	1.578.713.790	45.482.007	-	1.624.195.797
Số dư tại 30/06/2018	18.002.934.193	5.892.483.444	29.061.878.657	52.957.296.294
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2018	2.863.116.488	4.899.604.329	10.085.266.290	17.847.987.107
Tăng trong kỳ	422.023.989	413.707.570	2.519.070.782	3.354.802.341
Khấu hao trong kỳ	262.993.209	413.707.570	2.150.390.943	2.827.091.722
Tăng khác	159.030.780	-	368.679.839	527.710.619
Giảm trong kỳ	-	527.710.619	-	527.710.619
Giảm khác	-	527.710.619	-	527.710.619
Số dư tại 30/06/2018	3.285.140.477	4.785.601.280	12.604.337.072	20.675.078.829
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2018	16.718.531.495	939.361.122	17.352.416.570	35.010.309.187
Số dư tại 30/06/2018	14.717.793.716	1.106.882.164	16.457.541.585	32.282.217.465

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		70.685.508.188	73.027.389.727
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%	10.577.221.515	11.276.421.765
Công ty CP May 9 - Nam Định	26,78%	4.593.757.189	9.309.182.339
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%	5.277.196.949	4.555.437.024
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	6.295.813.015	5.437.696.816
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	4.568.810.573	4.425.755.477
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	29.467.792.046	28.102.008.738
Công ty CP Truyền Thông Nhà Bè	46,67%	560.000.000	560.000.000
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	5.344.916.901	5.360.887.568
Công ty CP SX - TM - DV Hưng Phát	20,00%	4.000.000.000	4.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		33.256.863.385	32.595.613.385
Công ty CP May Việt Thắng (Vigaco)	1,86%	5.337.100.000	5.337.100.000
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,02%	5.802.843.385	5.802.843.385
Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	7.161.920.000	7.161.920.000
Công ty CP BĐS Dệt may Việt Nam	10,88%	3.480.000.000	3.480.000.000
Công ty CP May 9 - Nam Định		-	1.338.750.000
Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	4.225.000.000	4.225.000.000
Công ty CP Thương Mại Bán Lê Nhà Bè	15,00%	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty CP Đầu Tư An Phát		2.000.000.000	-
Tổng		103.942.371.573	105.623.003.112

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.11 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	387.944.287.085	393.780.123.192	358.776.884.571	358.776.884.571
Công ty CP May Phù Cát	13.469.382.763	12.010.430.818	12.010.430.818	12.010.430.818
Công ty CP May Tây Sơn	323.499.975	7.617.743.899	7.617.743.899	7.617.743.899
Công ty TNHH May XK Việt Thành	6.599.314.711	9.087.374.664	9.087.374.664	9.087.374.664
Kufner Hong Kong Ltd.	14.019.206.538	7.442.729.479	7.442.729.479	7.442.729.479
Motives (Far East) Ltd.	3.472.282.243	7.561.243.477	7.561.243.477	7.561.243.477
Phải trả các nhà cung cấp khác	350.060.600.855	350.060.600.855	315.057.362.234	315.057.362.234
b. Dài hạn	695.016.500	1.023.054.500	1.023.054.500	1.023.054.500
Công ty CP Long Phương Đông	695.016.500	1.023.054.500	1.023.054.500	1.023.054.500
Tổng	388.639.303.585	394.803.177.692	359.799.939.071	359.799.939.071

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2018
Phải nộp	23.588.959.401	67.751.595.807	66.969.367.236	24.371.187.972
Thuế GTGT	11.710.302.722	43.059.980.541	40.311.951.370	14.458.331.893
Thuế xuất, nhập khẩu	9.430.342	332.514.478	309.308.374	32.636.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.969.662.504	12.362.510.186	13.971.315.015	4.360.857.675
Thuế thu nhập cá nhân	3.013.742.166	7.661.362.235	8.353.581.267	2.321.523.134
Thuế tài nguyên	-	23.814.010	23.814.010	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.184.285.000	887.194.967	1.596.986.467	1.474.493.500
Các loại thuế khác	-	74.000.000	74.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	701.536.667	3.350.219.390	2.328.410.733	1.723.345.324
Phải thu	6.138.764.614	4.568.257.389	6.993.927.779	8.564.435.004
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	60.000	2.041.375.612	2.903.683.313	862.367.701
Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	1.726.770.076	2.421.841.119	2.520.772.606	1.825.701.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	840.028.380	840.028.380
Thuế nhà đất và tiền thuê đất nộp thừa	4.367.895.400	61.001.520	729.443.480	5.036.337.360
Các khoản khác phải thu nhà nước	44.039.138	44.039.138	-	-



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.13 Chi phí phải trả

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	31.334.560.520	47.920.727.717
- Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	8.500.168.402	16.719.819.292
- Trích trước chi phí lãi vay	3.001.742.761	3.973.484.720
- Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	9.192.045.622	16.121.344.450
- Chi phí điện, nước, vận chuyển	5.864.411.229	7.919.721.822
- Chi phí phải trả khác	4.776.192.506	3.186.357.433
b) Dài hạn	-	-
Tổng	31.334.560.520	47.920.727.717

5.14 Phải trả khác

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	82.778.577.756	60.723.297.177
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	54.949.638
Kinh phí công đoàn	12.846.899.602	11.097.332.111
BHXH, BHYT, BHTN	25.047.792.928	15.739.493.806
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	11.668.183.526
Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.873.885.226	22.153.338.096
b) Dài hạn	3.546.246.092	4.794.960.183
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.405.011.000	2.512.490.000
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	1.141.235.092	2.282.470.183
Tổng	86.324.823.848	65.518.257.360

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.832.332.363.887	1.832.332.363.887	2.076.571.224.047	1.784.935.103.102	1.540.696.242.942	1.540.696.242.942
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	750.072.548.939	750.072.548.939	858.779.303.045	788.127.495.294	679.420.741.188	679.420.741.188
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	533.563.137.328	533.563.137.328	534.052.998.273	214.768.390.660	214.278.529.715	214.278.529.715
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	29.315.899.681	29.315.899.681	29.318.749.412	928.401.584	925.551.853	925.551.853
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	57.483.912.999	57.483.912.999	57.648.055.017	60.615.940.461	60.451.798.443	60.451.798.443
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	15.352.180.190	15.352.180.190	25.434.338.202	18.192.034.435	8.109.876.423	8.109.876.423
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	160.959.526.175	160.959.526.175	162.104.223.757	346.380.156.616	345.235.459.034	345.235.459.034
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Thuận(USD)	73.098.297.591	73.098.297.591	169.547.597.906	139.800.269.535	43.350.969.220	43.350.969.220
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Lagi	-	-	8.550.000.000	8.550.000.000	-	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	64.640.021.530	64.640.021.530	81.742.937.548	31.097.830.658	13.994.914.640	13.994.914.640
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	-	15.060.314.708	31.741.204.510	16.680.889.802	16.680.889.802
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định	30.631.049.090	30.631.049.090	36.755.931.410	25.792.348.320	19.667.466.000	19.667.466.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (USD)	4.138.823.969	4.138.823.969	10.436.840.000	8.899.160.717	2.601.144.686	2.601.144.686
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bình Định (USD)	7.342.472.286	7.342.472.286	11.477.923.572	15.900.206.153	11.764.754.867	11.764.754.867
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 2 Tp. Hồ Chí Minh	36.347.923.392	36.347.923.392	36.347.923.392	21.696.442.548	21.696.442.548	21.696.442.548
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh	38.809.441.810	38.809.441.810	38.811.251.936	39.997.836.274	39.996.026.148	39.996.026.148

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	-				-	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	9.594.170.000	9.594.170.000	27.729.260	10.076.599.260	19.643.040.000	19.643.040.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	1.540.000.000	1.540.000.000	-	2.905.672.000	4.445.672.000	4.445.672.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - USD	4.241.959.132	4.241.959.132	473.738.300	4.258.898.942	8.027.119.774	8.027.119.774
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VND	460.866.642	460.866.642	1.368.309	692.668.271	1.152.166.604	1.152.166.604
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	2.970.770.958	2.970.770.958	-	1.820.602.282	4.791.373.240	4.791.373.240
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định	2.207.610.640	2.207.610.640	-	2.178.364.360	4.385.975.000	4.385.975.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh	9.561.751.535	9.561.751.535	-	10.514.580.222	20.076.331.757	20.076.331.757

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	357.799.045.664	357.799.045.664	12.125.444.815	569.238.300	346.242.839.149	346.242.839.149
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	33.443.185.000	33.443.185.000	-	-	33.443.185.000	33.443.185.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	5.420.000.000	5.420.000.000	-	-	5.420.000.000	5.420.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - USD	3.686.932.675	3.686.932.675	-	-	3.686.932.675	3.686.932.675
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VND	36.491.553.832	36.491.553.832	7.045.011.190	473.738.300	29.920.280.942	29.920.280.942
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bình Định	2.430.000.000	2.430.000.000	-	-	2.430.000.000	2.430.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định	11.277.198.790	11.277.198.790	-	-	11.277.198.790	11.277.198.790
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (VND)	1.869.375.000	1.869.375.000	-	-	1.869.375.000	1.869.375.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (USD)	2.764.707.260	2.764.707.260	-	-	2.764.707.260	2.764.707.260
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.112.000.000	10.112.000.000	-	-	10.112.000.000	10.112.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 2 Tp. Hồ Chí Minh (VND)	99.441.856.602	99.441.856.602	5.080.433.625	-	94.361.422.977	94.361.422.977
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 2 Tp. Hồ Chí Minh (USD)	20.069.263.930	20.069.263.930	-	-	20.069.263.930	20.069.263.930
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh [3]	477.500.000	477.500.000	-	95.500.000	573.000.000	573.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh [2]	130.315.472.575	130.315.472.575	-	-	130.315.472.575	130.315.472.575
Tổng	2.190.131.409.551	2.190.131.409.551	2.088.696.668.862	1.785.504.341.402	1.886.939.082.091	1.886.939.082.091

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	182.000.000.000	45.373.475.832	-	86.181.559.544	80.717.249.000	394.272.284.376
Tăng trong năm	-	461.005.896	-	52.820.555.379	38.051.469.124	91.333.030.399
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	52.820.555.379	5.563.405.728	58.383.961.107
Phân phối lợi nhuận	-	459.950.737	-	-	-	459.950.737
Tăng khác	-	1.055.159	-	-	32.488.063.396	32.489.118.555
Giảm trong năm	-	160.406.083	-	75.669.160.778	12.552.424.244	88.381.991.105
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	459.950.737	438.644.949	898.595.686
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	15.264.514.377	3.028.426.692	18.292.941.069
Chia cổ tức	-	-	-	56.082.207.860	8.785.546.416	64.867.754.276
Giảm khác	-	160.406.083	-	3.862.487.804	299.806.187	4.322.700.074
Số dư tại 31/12/2017	182.000.000.000	45.674.075.645	-	63.332.954.145	106.216.293.880	397.223.323.670
Số dư tại 01/01/2018	182.000.000.000	45.674.075.645	-	63.332.954.145	106.216.293.880	397.223.323.670
Tăng trong kỳ	-	310.156.493	98.414.727	22.194.197.379	3.624.758.814	26.227.527.413
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	22.194.197.379	2.659.310.253	24.853.507.632
Phân phối lợi nhuận	-	310.156.493	-	-	-	310.156.493
Tăng khác	-	-	98.414.727	-	965.448.561	1.063.863.288
Giảm trong kỳ	-	-	-	58.301.257.996	3.377.146.939	61.678.404.935
Chia cổ tức	-	-	-	47.895.080.000	2.224.920.000	50.120.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	310.156.493	-	310.156.493
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	6.703.867.011	1.012.847.161	7.716.714.172
Giảm khác	-	-	-	3.392.154.492	139.379.778	3.531.534.270
Số dư tại 30/06/2018	182.000.000.000	45.984.232.138	98.414.727	27.225.893.528	106.463.905.755	361.772.446.148

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/06/2018 VND	Tỷ lệ %	01/01/2018 VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	14.165.710.000	7,78%	14.165.710.000	7,78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	0,27%	491.220.000,00	0,27%
Các cổ đông khác	116.943.070.000	64,26%	116.943.070.000	64,26%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.895.080.000	48.791.934.972

d. Cổ phiếu

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Doanh thu	2.134.756.461.107	1.969.004.926.308
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.134.756.461.107	1.962.004.926.308
Doanh thu chuyển nhượng BDS	-	7.000.000.000
Tổng	2.134.756.461.107	1.969.004.926.308
Các khoản giảm trừ doanh thu	8.343.879.880	5.641.258.556
- Chiết khấu thương mại	875.750.752	686.440.598
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	7.468.129.128	4.954.817.958
Doanh thu thuần	2.126.412.581.227	1.963.363.667.752

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.18 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.691.996.361.813	1.566.263.582.800
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BDS đầu tư đã bán	-	1.647.306.797
Tổng	1.691.996.361.813	1.567.910.889.597

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.245.924.662	1.586.602.972
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.154.094.111	2.091.705.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.815.068.318	9.768.204.578
Tổng	12.215.087.091	13.446.513.150

5.20 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền vay	39.329.404.399	25.844.407.175
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.001.859.708	5.493.362.910
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	282.212.917
Tổng	47.331.264.107	31.619.983.002

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.21 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên	33.757.960.561	33.611.589.131
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.430.058.313	2.484.135.540
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	1.763.814.387	2.455.570.236
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.281.701.757	1.269.932.871
Thuế phí và lệ phí	88.001.090	68.277.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.751.278.385	96.475.645.008
Chi phí bằng tiền khác	22.782.801.319	11.074.323.150
Tổng	160.855.615.812	147.439.473.098

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	101.818.162.624	116.103.822.778
Chi phí vật liệu quản lý	6.391.437.620	7.170.935.693
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.102.421.980	4.554.510.486
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.471.846.936	19.082.927.199
Thuế phí và lệ phí	1.217.345.089	1.364.694.711
Chi phí dự phòng	435.863.501	395.923.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.048.208.765	23.336.130.643
Chi phí bằng tiền khác	47.674.075.287	24.091.807.856
Tổng	208.159.361.802	196.100.752.888

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.23 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	923.410.910	588.948.833
Thanh lý nguyên vật liệu	92.491.913	425.818.178
Thu nhập từ xuất nhập khẩu và giao nhận	-	1.626.894.000
Các khoản khác	6.833.325.280	7.255.052.921
Tổng	7.849.228.103	9.896.713.932
Chi phí khác		
Chi phí từ xuất nhập và giao nhận	-	2.163.861.835
Xử lý chênh lệch gia công	59.820	70.985.735
Các khoản bị phạt	6.365.129	211.282.201
Các khoản khác	2.913.594.175	4.062.346.281
Tổng	2.920.019.124	6.508.476.052
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	4.929.208.979	3.388.237.880

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	22.194.197.379	23.558.153.088
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(5.877.306.004)	(5.477.900.911)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.316.891.375	18.080.252.177
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	897	993

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với bên liên quan****Giao dịch bán hàng**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	24.100.000	10.839.000
		Khác	12.740.000	-
		Nguyên phụ liệu	12.627.272	-
Công ty CP Xây lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	36.039.121	36.531.540
		Quần áo	1.054.545	3.572.728
		Tiền thuê nhà	212.836.350	110.200.500
		Khác	-	22.873.219
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	5.450.000	166.763
		Điện, ăn, nước, thuê máy	62.848.996	-
		Tiền thuê nhà	299.640.000	-
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Khác	7.100.000	7.100.000
		Quần áo	16.123.636	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kê toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kê toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công quần áo	968.284.147	2.267.744.193
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ NB	Công ty liên doanh, liên kết	Văn phòng phẩm	1.940.000	-
		Dịch vụ bảo trì	1.600.000	800.000
		Khác	9.540.000	44.150.000
		Sửa chữa	4.600.000	13.300.000
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	11.327.072.000	25.716.119.320
		Sửa chữa	81.758.408	5.262.741.818
		Thiết bị các loại	1.477.838.880	2.634.108.298
Công ty CP May Phú Thịnh - NB	Công ty liên doanh, liên kết	Khác	2.376.799.280	122.283.220
		May gia công	-	1.097.110.383
		CCDC	-	46.200.000
		Thiết bị các loại	450.000.000	3.200.000
Công Ty CP Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phí vận chuyển	23.645.913.824	-
		Khác	59.438.338.057	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	51.062.000	45.734.425
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	103.518.420	93.577.193
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	12.256.908	5.484.800
Công Ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	54.934.000	54.934.000
			30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	30.853.945	-
Công ty CP Xây lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	12.716.525	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DV-TM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	131.554.359	-
Công Ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	21.449.243	-
			30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	2.985.796	3.038.400
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	1.694.677.300	-
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	382.028.290	-
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	3.422.124	1.678.693.895
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	344.990	344.990
Công ty CP Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước cho người bán	-	25.000.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	223.760.038.283	228.713.854.868
Phải thu khách hàng và phải thu khác	718.937.320.735	720.182.542.844
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.440.000.000	2.230.240.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	35.256.863.385	36.595.613.385
Tổng	981.394.222.403	987.722.251.097
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.190.131.409.551	1.886.939.082.091
Phải trả người bán và phải trả khác	474.964.127.433	425.318.196.431
Chi phí phải trả	31.334.560.520	47.920.727.717
Tổng	2.696.430.097.504	2.360.178.006.239

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2018			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	419.500.181.747	4.241.262.592	423.741.444.339
Chi phí phải trả	47.920.727.717	-	47.920.727.717
Các khoản vay	1.540.696.242.942	357.799.045.664	1.898.495.288.606
Tổng	2.008.117.152.406	362.040.308.256	2.370.157.460.662
Tại 01/01/2018			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	419.500.181.748	5.818.014.683	425.318.196.431
Chi phí phải trả	47.920.727.717	-	47.920.727.717
Các khoản vay	1.540.696.242.942	346.242.839.149	1.886.939.082.091
Tổng	2.008.117.152.407	352.060.853.832	2.360.178.006.239

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	223.760.038.283	-	223.760.038.283
Phải thu khách hàng và phải thu khác	695.802.141.409	23.135.179.326	718.937.320.735
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.440.000.000	-	3.440.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	35.256.863.385	35.256.863.385
Tổng	923.002.179.692	58.392.042.711	981.394.222.403
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	228.713.854.868	-	228.713.854.868
Phải thu khách hàng và phải thu khác	697.704.214.172	22.478.328.672	720.182.542.844
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.230.240.000	-	2.230.240.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	36.595.613.385	36.595.613.385
Tổng	928.648.309.040	59.073.942.057	987.722.251.097

6.3 Thông tin so sánh

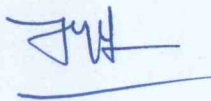
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2018

Người lập

* Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc


Đặng Minh Tuyên

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân